

24. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH VĂN HÓA-NGHỆ THUẬT-THỂ DỤC THỂ THAO

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 1.1. Báo chí (Press)
- 1.2. Viết văn (Writing)
- 1.3. Quản lý văn hoá (Cultural Management)
- 1.4. Xuất bản và phát hành sách (Publication and distribution of books)
- 1.5. Thư viện – Thông tin (Library and Information)
- 1.6. Di sản văn hoá (Culture Heritage)
- 1.7. Văn hoá học (Culturology)
- 1.8. Âm nhạc (Music)
- 1.9. Sân khấu (Theatre)
- 1.10. Điện ảnh (Cinema)
- 1.11. Múa (Dancing)
- 1.12. Mỹ thuật tạo hình (Plastic arts)
- 1.13. Mỹ thuật công nghiệp (Industrial arts)
- 1.14. Thể thao (Sport)
- 1.15. Du lịch (Tourism)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
I	Nhóm tạp chí áp dụng chung cho ngành Văn hóa, Nghệ thuật, Thể dục thể thao				
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq$ 2,0)	0 – 3,0
			Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0) ISI, Scopus	0 – 2,0 0 – 1,5
2.	Các tạp chí quốc tế khác (*)		Tạp chí	Top 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE)	0 – 1,25
3.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Do HĐGS liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
4.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 - 1,0
			Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

5.	Bảo tàng và nhân học	0866-7616	Tạp chí	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam – Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
6.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ	0 – 0,5 từ 2020
7.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 - 0,5 0 - 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2020
8.	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0 – 0,5 từ 2019
9.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2019
10.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học xã hội và nhân văn	2588-1213, e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020
11.	Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển	2588-1205 e-2615-9716	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
12.	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5
13.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,5
14.	Khoa học Đại học Văn Hiến	1859-2961	Tạp chí	Trường Đại học Văn Hiến	0 – 0,5 từ 2017
15.	Khoa học	1859-3100-V 2734-9918-E	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	0 – 0,5
16.	Khoa học xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KH Xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020
17.	Khoa học xã hội (TP Hồ Chí Minh)	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020
18.	Khoa học xã hội và nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016
19.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,5
20.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH	0 – 0,5 từ 2017
21.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu	0 – 0,5 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

22.	Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2019
23.	Nghiên cứu con người	2815-5777 (0328-1557)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người	0 – 0,5 từ 2020
24.	Nghiên cứu dân tộc	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,5 từ 2019
25.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	2534-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	0 – 0,5 từ 2020
26.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
27.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học	0 – 0,5
28.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	0 – 0,5 từ 2020
29.	Phát triển khoa học và công nghệ	1859-0128 2588-1043	Tạp chí	ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2017
30.	Thông tin khoa học lý luận chính trị	2354-1040	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2019
31.	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội	0 – 0,5 từ 2020
32.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học	0 – 0,5 từ 2020
33.	Văn hóa học	1859-4859	Tạp chí	Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam	0 – 0,75
34.	Văn hoá nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75
35.	Xã hội học	2615-9163	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 – 0,5 từ 2020
36.	Chính trị và Phát triển	1859-2457	Tạp chí	Nhà xuất bản Quốc gia – Sự thật	0 – 0,25 từ 2022
37.	VMOST Journal of Social Sciences and Humanities (D)	2734-9748-E	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022
38.	Khoa học	2588-1264	Tạp chí	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	0 – 0,25 từ 2022
39.	Khoa học ĐH Đồng Tháp	0866-7675	Tạp chí	Trường ĐH Đồng Tháp	0 – 0,25 từ 2022
40.	Khoa học và Công nghệ ĐH Duy Tân	1959-4905	Tạp chí	Trường ĐH Duy Tân	0 – 0,25 từ 2022
II	Nhóm các Tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Văn hóa, Nghệ thuật				
41.	Di sản văn hóa	1859-4956	Tạp chí	Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75 trước 2019

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

42.	Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam	0863-3093	Tạp chí	Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam	0 – 0,5
43.	Giáo dục Âm nhạc	2354-1326	Tạp chí	Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam	0 – 0,5 từ 2016
44.	Giáo dục nghệ thuật	1859-4964	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm nghệ thuật Trung ương	0 – 0,5
45.	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ học	0 – 0,5
46.	Khoa học	0866-7594	Tạp chí	Trường ĐH Hà Tĩnh	0 – 0,5
47.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường ĐH Mở Hà Nội	0 – 0,25 từ 2020
48.	Khoa học	1859-2325 1859-2341	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,5
49.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường ĐH Tân Trào	0 – 0,25 từ 2020
50.	Khoa học	1859-4816	Tạp chí	Trường ĐH Trà Vinh	0 – 0,5 từ 2016
51.	Khoa học xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, Viện HL KHXH VN	0 – 0,5
52.	Lý luận phê bình văn học nghệ thuật	0866-7349	Tạp chí	Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương	0 – 0,5
53.	Nghiên cứu Âm nhạc	1859-4360	Tạp chí	HV Âm nhạc quốc gia Việt Nam	0 – 0,75
54.	Nghiên cứu Mỹ thuật	1859-4697	Tạp chí	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam	0 – 0,75
55.	Nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh	2354-0680	Tạp chí	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016
56.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo	0 – 0,5
57.	Nghiên cứu văn hóa	0866-7667	Tạp chí	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	0 – 0,75
58.	Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam (Tên cũ: Nghiên cứu văn hóa dân gian)	0866-7284	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2022
59.	Nghiên cứu Văn học	1859-2856	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,5
60.	Nhạc Việt	2354-1156	Tạp chí	Học viện Âm nhạc Huế	0 – 0,5 từ 2019
61.	Thông tin và Tư liệu	1859-2929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5
62.	Thư viện Việt Nam	1859-1450	Tạp chí	Thư viện QG Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,5 trước 2019

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

63.	Văn hóa và Nguồn lực	2354-0907	Tạp chí	Trường ĐH Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2019
64.	Xưa và nay	0868-331X	Tạp chí	Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam	0 – 0,5
III	Nhóm các tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Báo chí, truyền thông				
65.	Báo chí và Tuyên truyền	1859-0411	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
66.	Khoa học công nghệ Thông tin và Truyền thông	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông	0 – 0,5 từ 2019
67.	Lịch sử Đảng	(1859-1590)	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng-HV Chính trị QG HCM	0 – 0,5
68.	Lý luận Chính trị	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2021
69.	Lý luận Chính trị và Truyền thông	1859-1485	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 - 0,5 0 – 0,75 từ 2019
70.	Lý luận Chính trị và Truyền thông (bản điện tử)	2734-9764	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 – 0,25 từ 2022
71.	Journal of Political Theory and Communication	2734-9772	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 – 0,25 từ 2022
72.	Người làm báo	0866-7691	Tạp chí	Hội Nhà báo Việt Nam	0 – 0,5
73.	Tuyên giáo	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 – 0,5
IV	Nhóm các tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Thể dục thể thao				
74.	Khoa học Đào tạo và huấn luyện Thể thao	1859-4417	Tạp chí	Trường ĐH Thể dục Thể thao Bắc Ninh	0 - 0,5 0 – 0,75 từ 2019
75.	Khoa học Thể dục Thể thao	1859-4662	Tạp chí	Viện Khoa học Thể dục Thể thao	0 – 0,75
76.	Khoa học và đào tạo Thể dục thể thao	0866-8108	Tạp chí	Trường ĐH Thể dục thể thao TP HCM	0 – 0,5
77.	Khoa học và đào tạo thể thao	2588-1345	Tạp chí	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	0 – 0,5 từ 2019
78.	Sinh lý học Việt Nam	1859-2376	Tạp chí	Hội Sinh lý học Việt Nam	0 – 0,5
79.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

80.	Y học thực hành	1859-1663	Tạp chí	Bộ Y tế	0 – 0,5
V	Nhóm các Tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Du lịch				
81.	Du lịch Việt Nam	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75

Ghi chú: (*) HĐGS liên ngành xác định cụ thể trong các tạp chí khoa học thuộc: Viện Hàn lâm khoa học, các Viện nghiên cứu chuyên ngành và các trường đại học hàng đầu của Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức.

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- *Nhà xuất bản quốc tế có uy tín:* Các Nhà xuất bản của các Viện Hàn lâm khoa học và các trường đại học hàng đầu của các ngành liên quan thuộc các nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức;

- *Nhà xuất bản quốc gia uy tín:* Chính trị quốc gia - Sự thật; Giáo dục; Đại học Quốc gia Hà Nội; Khoa học Xã hội; Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh; Đại học sư phạm Hà Nội; Thể giới; Văn hóa dân tộc; Sân khấu; Văn học; Âm nhạc; Mỹ thuật; Thể dục Thể thao.